

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Tên Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 3 – Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia. Địa chỉ: 12 Trần Hưng Đạo, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa Mã số thuế: 0102743068004 Số tài khoản: 119000022307 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Khánh Hòa Điện thoại: 0258 3521188 Fax: 0258 3521836 Email: Đại diện ủy quyền (nếu có):
E-ĐKC 1.7	- Công trình bao gồm: Sửa chữa hệ thống thoát nước chống ngập trong Trạm biến áp 220kV Đức Trọng - Địa điểm thi công gồm: Trạm biến áp 220kV Đức Trọng tại thôn Chi Rông A, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Trạm biến áp 220kV Đức Trọng tại thôn Chi Rông A, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: Trong vòng 50 ngày (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Trong vòng 50 ngày (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là:
E-ĐKC 1.29	Tư vấn giám sát là: Công ty Truyền tải điện 3 tự giám sát
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Các văn bản, tài liệu khác phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: Kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII hoặc mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong và nộp cho Chủ đầu tư muộn nhất trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng 21 ngày.
E-ĐKC 5.4	- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư giải tỏa và trả lại cho Nhà thầu không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: - Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo đảm hợp đồng trong các trường hợp sau: + Nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng theo đúng quy định của hợp đồng; + Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích; - Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. - Trường hợp Nhà thầu không nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền thực hiện hình thức cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT.

E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ:
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: - Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về nhà thầu phụ nêu tại E-CDNT 27 Chương I của E-HSMT. - Trường hợp nhà thầu muốn thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng thì trong vòng 14 ngày trước ngày muốn đưa nhà thầu phụ vào làm việc, nhà thầu phải có văn bản đề nghị nêu lý do xác đáng, hợp lý kèm theo hồ sơ chứng minh năng lực của nhà thầu phụ để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận. Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của nhà thầu chính hoặc tổng thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: - Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn chịu trách nhiệm sửa chữa sai sót công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công của Nhà thầu, mua bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. Mức bảo hiểm theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Tất cả các chi phí bảo hiểm được hạch toán vào chi phí của nhà thầu và đã bao gồm trong giá dự thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu các hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Đã được nêu chi tiết tại ĐKCT 1.10

E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Theo thông báo bằng văn bản của Chủ đầu tư, hoặc là ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng tại thực địa cho Nhà thầu và có biên bản ký xác nhận bởi đại diện hợp pháp theo hợp đồng của hai bên.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ cùng hợp tác giải quyết thông qua việc hòa giải giữa hai bên. Số ngày tiến hành hòa giải tối đa là 28 ngày. Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả, thì các bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại địa điểm có trụ sở của bên A để giải quyết theo quy định của pháp luật. Bên thua kiện phải chịu án phí và mọi chi phí phát sinh. Luật áp dụng: Luật Việt Nam
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu. - Ngày hoàn thành dự kiến: Trong vòng 50 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
E-ĐKC 29.1	- Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 từ ngày ký Hợp đồng. - Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tăng cường thêm 50% nhân lực, máy móc thiết bị thi công và sẽ thông báo Nhà thầu trước 05 ngày mà không có chi phí tăng thêm. - Nội dung của bảng tiến độ thi công chi tiết lập cho toàn bộ công trình và cho từng hạng mục công việc. - Bảng tiến độ thi công chi tiết này là cơ sở cho việc xác định trách nhiệm các bên liên quan đến chậm tiến độ, vì vậy yêu cầu Nhà thầu lập tiến độ chi tiết cho từng giai đoạn: Giao mặt bằng của Chủ đầu tư, giao VTTB của Chủ đầu tư, thi công nghiệm thu công việc, nghiệm thu hạng mục.... - Bảng thuyết minh của Nhà thầu phải mô tả rõ bố trí công trường, bố trí máy móc thi công, bố trí nhân lực, các biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường và các yêu cầu hợp tác với Chủ đầu tư, các bên liên quan khác. - Trường hợp Nhà thầu không trình tiến độ thi công chi tiết công trình sẽ được xem là nguyên nhân dẫn đến chậm tiến độ thi công hoàn thành công trình theo hợp đồng do lỗi Nhà thầu.

	- Trong vòng 07 ngày sau khi nhận được văn bản thỏa thuận bảng tiến độ thi công xây dựng công trình, nếu Chủ đầu tư không trả lời thì xem như Chủ đầu tư chấp thuận nội dung bảng tiến độ do Nhà thầu đệ trình. Chủ đầu tư chịu mọi trách nhiệm đối với tiến độ bàn giao mặt bằng, cung cấp bản vẽ theo đề xuất của Nhà thầu tại Bảng tiến độ đã trình. - Trường hợp cần thiết Chủ đầu tư mời Nhà thầu thương thảo chi tiết về bảng tiến độ thi công công trình nhưng không quá 05 ngày kể từ ngày Nhà thầu trình bảng tiến độ cho Chủ đầu tư. - Khi Chủ đầu tư chậm giao mặt bằng thi công, chậm giao vật tư thiết bị cho từng hạng mục thi công, tổ chức nghiệm thu,... thì Nhà thầu có quyền lùi tiến độ thi công các hạng mục công việc đó với thời gian tương ứng. - Trong quá trình thực hiện nếu vi phạm tiến độ cam kết và nếu việc điều chỉnh tiến độ hạng mục có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành công trình thì tại bất kỳ thời điểm nào, mỗi bên đều có quyền yêu cầu bên kia thương thảo lại về tiến độ hoàn thành công trình. - Nếu Nhà thầu không chủ động đánh giá và yêu cầu thương thảo lại tiến độ hoàn thành công trình thì vì bất kỳ lý do nào dẫn đến chậm tiến độ hạng mục công trình, Nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm về việc chậm trễ hoàn thành công trình.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: + Vào ngày thứ 4 hàng tuần Nhà thầu phải có báo cáo tình hình thi công, tiến độ thi công tuần (theo mẫu do Chủ đầu tư quy định). + Vào ngày thứ 4 của tuần cuối cùng hàng tháng, Nhà thầu báo cáo tình hình thi công và cập nhật tiến độ thi công tháng (theo mẫu do Chủ đầu tư quy định). + Trong các báo cáo Nhà thầu phải đánh giá các công việc chậm theo tiến độ đã cam kết, đề xuất điều chỉnh tiến độ. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: Nếu Nhà thầu không trình bảng tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, Chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiền là do việc chậm nộp kế hoạch thi công đã cập nhật là: 30.000.000 VNĐ.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: - Trường hợp bất khả kháng. - Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

	- Chủ đầu tư không bàn giao mặt bằng thi công theo đúng tiến độ cam kết. - Nếu Chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu theo tiến độ xây dựng mà Nhà thầu đã đăng ký và được Chủ đầu tư chấp thuận thì thời gian thực hiện HĐ sẽ được kéo dài tương ứng với thời gian chậm bàn giao mặt bằng trong từng giai đoạn. - Chủ đầu tư/Nhà thầu đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của pháp luật nhưng các cơ quan có thẩm quyền giải quyết không đảm bảo thời gian quy định. - Do sự thay đổi về yêu cầu tiến độ đưa vào sử dụng công trình nhằm đồng bộ với các công trình khác/nhiệm vụ kinh tế xã hội khác.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: - Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ kho bãi để tiếp nhận vật tư chuẩn bị thi công. Vật tư sau khi tiếp nhận và lưu kho của Nhà thầu phải được bảo quản đầy đủ để đảm bảo chất lượng khi đưa vào thi công. - Nhà thầu phải đảm bảo tất cả các vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ phải được kiểm soát chất lượng theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình, yêu cầu thiết kế, quy định của hợp đồng xây dựng và các tài liệu có liên quan. - Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình. - Máy móc, thiết bị: Máy móc thiết bị phải có kiểm định theo quy định. - Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào. - Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Trộn gói.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 20% giá trị Hợp đồng (trước thuế GTGT), theo hình thức chuyển khoản, nhà thầu chịu phí chuyển tiền, trong vòng 14 ngày khi nhà thầu xuất trình đủ các chứng từ sau: + Văn bản đề nghị tạm ứng.

	+ Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (theo Mẫu số 15 Chương VIII - E-HSMT hoặc mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận). + Bảo lãnh tạm ứng: Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (Theo Mẫu số 16 Chương VIII - E-HSMT hoặc mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận) với giá trị tương ứng giá trị tạm ứng và có hiệu lực từ khi phát hành cho đến thời gian sau ít nhất 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tạm ứng. - Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư muộn nhất trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng 21 ngày. Nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả. - Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: + Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. + Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. + Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. + Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.
--	--

E-ĐKC 44.1**1. Nguyên tắc thanh toán:**

- Giá trị thanh toán đối với hợp đồng trọn gói: Là giá cố định trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng;

- Chủ đầu tư và nhà thầu chịu trách nhiệm xác nhận vào biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành để làm cơ sở thanh toán cho nhà thầu.

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng tiền Việt Nam, Nhà thầu chịu phí chuyển tiền.

3. Phương thức thanh toán:

a) Thanh toán theo từng đợt và tuân thủ các quy định dưới đây:

Tổng số lần thanh toán tối đa là: 2 lần và tương ứng với khối lượng hoàn thành của từng đợt thanh toán với giá trị tối thiểu của từng lần thanh toán là: 30% giá trị hợp đồng.

b) Thanh toán giai đoạn:

- Thanh toán theo giai đoạn:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành trên cơ sở đơn giá hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán trong vòng 14 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ do nhà thầu lập (có khấu trừ tiền tạm ứng).

Hồ sơ thanh toán giai đoạn gồm:

- Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật (theo đúng biểu mẫu đã quy định) kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Nhà thầu và Chủ đầu tư; Trong đó, có cột khối lượng tăng hoặc giảm so với hợp đồng (nếu có);

- Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện Nhà thầu và Chủ đầu tư (nếu có);

- Phiếu giá thanh toán theo quy định trong đó phải thể hiện được các nội dung: Giá trị hợp đồng, giá trị tạm ứng hợp đồng, giá trị khối lượng đã thanh toán lũy kế đến cuối kỳ trước, giá trị khối lượng hoàn thành được chấp nhận thanh toán kỳ này, giá trị khối lượng được chấp nhận thanh toán lũy kế đến kỳ này, giá trị lũy kế đã thu hồi tạm ứng đến cuối kỳ trước, giá trị thu hồi tạm ứng kỳ này, giá trị giữ lại kỳ này, giá trị thanh toán kỳ này, lũy kế giá trị thanh toán đến cuối kỳ này.

	▪ Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán; ▪ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu. c) Quyết toán và thanh toán giai đoạn cuối: - Phiếu giá thanh toán đợt cuối: Chủ đầu tư sẽ giữ lại 05% giá trị hợp đồng (bảo hành công trình). - Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng. - Hồ sơ Thanh toán giai đoạn cuối: Khi nhà thầu đã thi công hoàn thành khối lượng theo hợp đồng, hồ sơ thanh toán như sau: ▪ Văn bản đề nghị thanh toán; ▪ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng có xác nhận của nhà thầu, chủ đầu tư; ▪ Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện Nhà thầu, Chủ đầu tư (nếu có); ▪ Bản vẽ hoàn công; ▪ Phiếu giá thanh toán theo quy định trong đó phải thể hiện được các nội dung: Giá trị hợp đồng, giá trị tạm ứng hợp đồng, giá trị khối lượng đã thanh toán lũy kế đến cuối kỳ trước, giá trị khối lượng hoàn thành được chấp nhận thanh toán kỳ này, giá trị khối lượng được chấp nhận thanh toán lũy kế đến kỳ này, giá trị lũy kế đã thu hồi tạm ứng đến cuối kỳ trước, giá trị thu hồi tạm ứng kỳ này, giá trị giữ lại kỳ này, giá trị thanh toán kỳ này, lũy kế giá trị thanh toán đến cuối kỳ này; ▪ Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu, có xác nhận của đại diện hợp pháp của các bên (biểu mẫu đúng theo quy định hiện hành của pháp luật và của ngành); ▪ Biên bản thanh lý hợp đồng; ▪ Hóa đơn tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán. d) Chủ đầu tư giữ lại tiền bảo hành công trình 5% (năm phần trăm) giá trị hợp đồng. - Hồ sơ thanh toán tiền giữ lại: ▪ Các tài liệu theo hợp đồng như biên bản xác nhận hoàn thành bảo hành hoặc nộp Chứng thư bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng quản lý tài khoản của nhà thầu phát hành.
--	--

▪ Khoản tiền giữ lại này sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày sau khi nhà thầu hoàn thành trách nhiệm bảo hành công trình hoặc nhà thầu nộp bảo lãnh của Ngân hàng quản lý tài khoản của nhà thầu phát hành.

Trường hợp Chủ đầu tư đã thanh toán tiền bảo hành cho nhà thầu khi nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành thì Chủ đầu tư sẽ theo dõi thời hạn bảo lãnh bảo hành, mọi hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành sẽ được thông báo cho nhà thầu kịp thời, trường hợp nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ bảo hành thì yêu cầu nhà thầu gia hạn thời hạn bảo lãnh bảo hành hoặc thực hiện các thủ tục thu bảo lãnh bảo hành theo quy định.

c) Thanh lý hợp đồng: Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

4. Bảo hành công trình:

a. Thời gian bảo hành công trình được tính từ ngày Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và được xác định là **12 tháng**. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của Nhà thầu.

b. Yêu cầu về bảo hành công trình như sau:

- Trong thời gian bảo hành công trình, Nhà thầu phải khắc phục, sửa chữa, thay thế vật tư thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Trước khi tiến hành sửa chữa, Nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Nhà thầu cố tình trì hoãn sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan này. Chi phí được khấu trừ vào tiền bảo hành, giá trị hợp đồng và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

- Mức tiền cam kết bảo hành công trình: Nhà thầu có trách nhiệm nộp bảo đảm bảo hành cho công trình với giá trị là **05%** (năm phần trăm) giá trị quyết toán hợp đồng.

c. Hình thức bảo hành: Thư bảo lãnh bảo hành (*Phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang được phát hành bởi ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam*).

d. Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Chủ đầu tư chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Nhà thầu

	phải giao cho Chủ đầu tư Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. đ. Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. - Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư muộn nhất trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành. e. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành: - Khi kết thúc bảo hành, Nhà thầu lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành gửi Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm xác nhận hoàn thành bảo hành công trình bằng văn bản. - Đơn vị quản lý vận hành được Chủ đầu tư mời có trách nhiệm tham gia xác nhận hoàn thành bảo hành công trình. - Trường hợp Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành chưa chấp nhận Nhà thầu hoàn thành việc bảo hành công trình thì Chủ đầu tư phải làm việc với Nhà thầu để thống nhất các nội dung, thời gian khắc phục các tồn tại đó. Đồng thời gia hạn thời gian bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại nêu trên. - Sau khi tồn tại được giải quyết, Nhà thầu sẽ thực hiện lại thủ tục yêu cầu xác nhận hoàn thành bảo hành. Đồng thời Chủ đầu tư thực hiện thủ tục giải tỏa bảo lãnh bảo hành cho Nhà thầu.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trường hợp tại thời điểm hoàn thành toàn bộ công việc trong hợp đồng, xuất hóa đơn có quy định thuế VAT thay đổi so với hợp đồng đã ký kết thì hai bên sẽ thực hiện điều chỉnh VAT theo quy định tại thời điểm xuất hóa đơn trên cơ sở đơn giá hợp đồng trước thuế VAT đã thống nhất.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5% giá trị hợp đồng.

E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Không.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: a) Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quy định (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Nhà thầu sẽ bị phạt 0,5%/ngày giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định trong hợp đồng này. - Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện hợp đồng thì bị tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng. b) Yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng: - Trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Đồng thời việc khắc phục phần việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành so với tiến độ quy định thì Nhà thầu phải chịu thêm mức phạt chậm về tiến độ như quy định tại các mục nêu trên. - Nếu Nhà thầu vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Chủ đầu tư có quyền đề nghị chấm dứt Hợp đồng và Nhà thầu sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện Hợp đồng và Chủ đầu tư sẽ xem xét không chấp nhận Nhà thầu tham gia đấu thầu các công trình tiếp theo thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. - Nếu Nhà thầu không thực hiện đúng theo các điều kiện của hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí Bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà không cần có bất cứ lý do gì của Nhà thầu. - Nếu Nhà thầu không thực hiện bảo hành đúng theo các điều kiện như đã nêu tại điều khoản bảo hành của Hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền Bảo lãnh bảo hành hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo hành của Nhà thầu mà không cần bất cứ lý do gì của Nhà thầu. - Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. c) Ngoài mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở

	để đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng tương tự khi tổ chức đấu thầu các gói thầu thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin: + Quy định của Tập đoàn khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá. + Quy định của Tập đoàn về việc áp dụng kết quả đánh giá.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”. Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình theo quy định tại điều 146 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Giá trị bồi thường thiệt hại được tính toán theo giá trị thực tế của các thiệt hại mà bên vi phạm hợp đồng gây ra.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 03 ngày kể từ khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 55.1	Nhà thầu nộp bản vẽ hoàn công công trình trong vòng 05 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 30.000.000 Việt Nam Đồng.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.